

UBND XÃ NGUYỄN BÌNH KHIÊM

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ 1 NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số 132/BC-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2026 của UBND xã)

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2026	Thực hiện quý 1 năm 2026	Tỷ lệ thực hiện/ DT
A	B	1	2	3=2/1
I	Tổng thu NSNN	221.125	98.881,43	44,7%
1	Thu nội địa	30.645	3.262,69	10,6%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	190.480	87.406,13	45,9%
	- Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	189.400	47.350,00	25,0%
	- Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	1.080	40.056,13	3708,9%
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính			
4	Thu kết dư			
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		8.212,61	
II	Tổng thu ngân sách địa phương	206.148	97.433,46	47,3%
1	Thu nội địa	15.668	1.814,72	11,6%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	190.480	87.406,13	45,9%
	- Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	189.400	47.350,00	25,0%
	- Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	1.080	40.056,13	3708,9%
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính			
4	Thu kết dư			
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		8.212,61	
III	Tổng chi ngân sách địa phương	206.148	48.884,72	23,7%
1	Chi đầu tư phát triển	5.200	8.307,04	159,8%
2	Chi thường xuyên	196.906	40.577,68	20,6%
3	Chi dự phòng ngân sách	4.042		
4	Chi chuyển nguồn năm sau			
5	Chi nộp trả ngân sách cấp trên			

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ 1 NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số 132/BC-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2026 của UBND xã)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2026		Thực hiện quý 1 năm 2026		Tỷ lệ thực hiện/ DT	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5	6
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	221.125	206.148	98.881,43	97.433,46	44,7%	47,3%
I	Thu nội địa	30.645	15.668	3.262,69	1.814,72	10,6%	11,6%
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý						
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý						
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	8.650	4.671	2.224,20	1.201,07	25,7%	25,7%
5	Thuế thu nhập cá nhân						
6	Thuế bảo vệ môi trường						
7	Lệ phí trước bạ	7.050	3.878	980,65	585,34	13,9%	15,1%
8	Thu phí, lệ phí	270	270	49,24	24,51	18,2%	9,1%
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	200	200	0,80	0,80	0,4%	0,4%
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	10	4			0,0%	0,0%
12	Thu tiền sử dụng đất	13.000	5.200	0,00	0,00	0,0%	0,0%
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (nếu có)						
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản			0,00			
16	Thu khác ngân sách	25	5	7,80	2,99	31,2%	59,8%
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	1.440	1.440	0,00	0,00	0,0%	0,0%
II	Thu viện trợ						
III	Thu chuyển nguồn năm 2025 sang năm 2026			8.212,61	8.212,61		
IV	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	190.480	190.480	87.406,13	87.406,13	45,9%	45,9%
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	189.400	189.400	47.350,00	47.350,00	25,0%	25,0%
2	Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	1.080	1.080	40.056,13	40.056,13	3708,9%	3708,9%
V	Thu kết dư ngân sách						

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI QUÝ 1 NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số 132/BC-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2026 của UBND xã)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán giao năm 2026	Thực hiện quý 1 năm 2026	Tỷ lệ thực hiện/DT
	TỔNG CHI (I+II+III)	206.148	48.884,72	23,7%
I	Chi đầu tư phát triển	5.200	8.307,04	159,8%
1	Chi đầu tư cho các dự án	5.200	8.307,04	159,8%
2	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên	196.906	40.577,68	20,6%
1	Chi giáo dục	83.205	20.796,57	25,0%
2	Chi đào tạo	150		0,0%
3	Chi quốc phòng, an ninh và TTATXH	5.745	1.000,29	17,4%
4	Chi khoa học và công nghệ	390		0,0%
5	Chi y tế, dân số và gia đình	4.401	780,06	17,7%
6	Chi văn hóa thông tin	6.095	434,81	7,1%
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	300		0,0%
8	Chi thể dục thể thao	355		0,0%
9	Chi bảo vệ môi trường	791		0,0%
10	Chi các hoạt động kinh tế	17.577	60,54	0,3%
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	28.590	10.015,52	35,0%
12	Chi bảo đảm xã hội	48.327	7.489,89	15,5%
13	Chi thường xuyên khác	980		0,0%
III	Dự phòng ngân sách	4.042		0,0%